

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

NGHIÊN CỨU CÁC PHƯƠNG THỨC DỊCH ẨN DỤ TU TỪ TIẾNG ANH SANG TIẾNG VIỆT DỰA TRÊN CŨ LIỆU DIỄN VĂN CỦA MARTIN LUTHER KING

RESEARCH ON TRANSLATING METAPHOR IN MARTIN LUTHER KING'S
SPEECHES FROM ENGLISH INTO VIETNAMESE

ĐẶNG VINH

(ThS; Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng)

Abstract: Over 200 samples of metaphors in three speeches, the writer tried to put forward procedures of Peter Newmark in translation of metaphors to be applied to translating manifested language containing metaphors from English into Vietnamese.

Key words: translation of metaphors; transfer; accessing semantic; Martin Luther King.

1. Dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt là một quá trình chuyển nội dung thông điệp trong ngôn ngữ Anh như là ngôn ngữ gốc, sang tiếng Việt như một ngôn ngữ đích. Đảm bảo nội dung thông điệp một cách trọn vẹn khi dịch là vấn đề không đơn giản, nhất là khi văn bản tiếng Anh là những bài diễn văn nổi tiếng, do các nhân vật nổi tiếng tạo ra. Đặc biệt hơn là chuyển dịch các hiện tượng ngôn ngữ mà trong đó ẩn dụ tri nhận được các tác giả sử dụng như là một trong các phương thức phong cách văn bản gây ấn tượng nhiều nhất.

Martin Luther King, nhà lãnh đạo phong trào đòi bình đẳng chủng tộc, có ảnh hưởng rất lớn trong lịch sử Hoa Kỳ, bằng hình thức đấu tranh bất bạo động. Chính những bài diễn văn của Martin Luther King đã có tầm ảnh hưởng rất lớn không chỉ riêng đối với dân tộc của ông và còn có ý nghĩa rất sâu sắc đối với thế giới. Các bài diễn văn của ông luôn được biết đến như những lời minh chứng cho lịch sử lúc bấy giờ, là những bài học đáng quý cho toàn thể dân tộc trên thế giới luôn nhìn về một tương lai hòa bình, tự do của nhân loại. Tư tưởng của ông, cảm xúc

của ông qua ngôn từ, thường đọng lại qua nhiều hiện tượng ngôn ngữ ẩn dụ.

Vì vậy, trong diễn văn, ẩn dụ xuất hiện một cách rất tự nhiên và trở nên vấn đề cần nghiên cứu để học hỏi không những về cách thức hành văn, mà là để xem như một mô hình sử dụng ẩn dụ, từ đó nghiên cứu ứng dụng các phương thức dịch thuật mới để chuyển dịch nội dung ẩn dụ sang tiếng Việt một cách hiệu quả.

2. Trong cuốn “*A text book of translation*”, Peter Newmark đưa ra 7 phương thức dịch ẩn dụ gồm: (1) Tạo hình ảnh trong ngôn ngữ đích giống với ngôn ngữ nguồn (Reproducing the same image in TL); (2) Thay đổi hình ảnh trong ngôn ngữ nguồn với một hình ảnh mang tiêu chuẩn trong ngôn ngữ đích (Replacing the image in the SL with a standard TL image); (3) Dịch ẩn dụ bằng phương pháp tu từ so sánh, giữ lại hình ảnh trong ngôn ngữ nguồn (Translation of metaphor by simile, retaining the image); (4) Dịch ẩn dụ bằng phương pháp tu từ so sánh cộng với nghĩa trong mối quan hệ (Translation metaphor or simile by simile plus sense); (5) Chuyển hóa ẩn dụ thành nghĩa trong mối quan hệ (Conversion of

metaphor to sense); (6) Sự xóa bỏ (Deletion); (7) Ẩn dụ kết hợp với nghĩa trong mối quan hệ (Same metaphor combined with sense).

Chúng tôi áp dụng 7 phương thức trên vào việc chuyển dịch ẩn dụ từ ba bài diễn văn của Martin Luther King, gồm: “I have a dream”, “Nobel prize acceptance speech” and “Beyond Viet Nam - A time to break silence”. Tiến hành khảo sát khoảng 220 ví dụ cho thấy: chỉ có 6 trong 7 phương thức (trừ phương thức 3) được dùng để chuyển dịch từ Anh sang Việt với các mức độ khác nhau. Cụ thể: Có ba phương thức được áp dụng nhiều nhất là: (1) Tạo hình ảnh trong ngôn ngữ đích giống với ngôn ngữ nguồn, (2) Thay đổi hình ảnh trong ngôn ngữ nguồn với một hình ảnh mang tiêu chuẩn trong ngôn ngữ đích và (5) Chuyển hóa ẩn dụ thành nghĩa trong mối quan hệ. Trong đó phương thức (1) được sử dụng nhiều nhất (68%). Sở dĩ như vậy là vì người dịch muốn bảo tồn những hình ảnh, văn phong cũng như ý nghĩa sâu xa của cả ba bài diễn văn.

Dưới đây là một số ví dụ cụ thể: (* tiếng Anh: TA; tiếng Việt: TV)

(1) **Phương thức 1:** *Tạo hình ảnh trong ngôn ngữ đích giống với ngôn ngữ nguồn*

- Ẩn dụ, nơi nghĩa liên hệ biểu hiện một thực thể hay một tính chất (Metaphors where the sense is an entity or a quality):

(1) TA: *The quicksand of racial injustice.*

TV: *Vũng lầy bất công chủng tộc.*

(2) TA: *Sweet land of liberty.*

TV: *Mảnh đất ngọt ngào của tự do.*

(3) TA: *Nonviolence is the answer to the crucial political and moral question of our time.*

TV: Bất bạo động là *câu trả lời* cho vấn đề đạo lý và chính trị cực kì quan trọng của thời đại chúng ta

- Kinh nghiệm phổ quát (Universal experiences):

(4) TA: A state sweltering with *the heat*

of injustice.

TV: Một tiểu bang đang bị nung chảy vì *sức nóng bất công.*

(5) TA: Let us not seek to satisfy our *thirst for freedom.*

TV: Chúng ta chớ bao giờ tìm cách thỏa mãn *con khát tự do.*

(6) TA: *Drinking the cup* of bitterness and hatred.

TV: *Uống cạn* cay đắng và thù hận.

- Giữ lại những đặc trưng ngữ nghĩa của ngôn ngữ gốc (Preservation of the SL's Semantic features):

(7) TA: I have moved *to break the betrayal of my own silences.*

TV: Từ khi tôi *phá vỡ sự im lặng của riêng mình*

(8) TA: It *destroys* the deepest hopes of men the world over.

TV: Nước Mỹ không thể nào được cứu nổi chừng nào nó *còn hủy diệt* tất cả những niềm hi vọng sâu lắng nhất của nhân loại trên toàn thế giới.

[9] TA: If America's soul becomes *totally poisoned*

TV: Nếu linh hồn của nước Mỹ *bị ngấm độc hoàn toàn.*

(2) **Phương thức 2:** *Thay đổi hình ảnh trong ngôn ngữ nguồn với một hình ảnh mang tiêu chuẩn trong ngôn ngữ*

- Những mối quan hệ liên quan được chứa đựng trong từng từ ngữ (Associative relations contained in each word)

(10) TA: *The pursuit of peace* will take precedence over *the pursuit of war.*

TV: Đó là *sự tìm kiếm hòa bình* phải chiếm ưu thế tuyệt đối, chứ không phải *tìm kiếm chiến tranh*

(11) TA: The *oceans of history* are made turbulent.

TV: *Những dòng chảy* bao la của lịch sử

(12) TA: Or will there be another *message* of longing, of hope, of solidarity.

TV: Có một thông điệp nào khác hơn về sự khát khao, hi vọng và đoàn kết.

- Các nhân tố chủ quan:

(13) TA: The power of new violence.

TV: Hình thức bạo lực mới.

(14) TA: The increasing international rumors of American plans.

TV: Những luồng dư luận quốc tế ngày càng nhiều về kế hoạch của Mỹ.

(15) TA: They make their journey on life's highway.

TV: Họ tiến lên đại lộ cuộc đời.

(3) **Phương thức 4:** Dịch ẩn dụ bằng phương pháp so sánh tu từ, giữ lại hình ảnh trong ngôn ngữ nguồn

(16) TA: *The storms* of persecution.

TV: Những trận đòn roi đập dồn như bão tố.

(17) TA: *The winds* of police brutality.

TV: Những hành động bạo tàn của cảnh sát giáng xuống người Da đen như sấm sét

(4) **Phương thức 5:** Chuyển hóa ẩn dụ thành nghĩa trong mối quan hệ

- Đa nghĩa:

(18) TA: We must rise to the majestic heights of meeting physical force with soul force.

TV: Chúng ta phải tìm cách vươn lên những đỉnh cao chói lọi – nơi hội tụ sức mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần.

(19) TA: Perhaps a new spirit is rising among us.

TV: Có lẽ một tinh thần mới đang khởi dậy giữa chúng ta

(20) TA: That I could never again raise my voice against the violence of the oppresses in the ghettos without having first spoken clearly to the greatest purveyor of violence in the world today.

TV: Tôi nhận ra rằng tôi không thể nào cát lên tiếng nói phản kháng quá trình bạo động của những người bị áp bức trong những khu nhà nghèo nát của người da đen

mà lại không chỉ vào mặt để nói thẳng với những kẻ giàu thế lực nhất đã cố tình gây ra bạo động trên quy mô toàn thế giới hôm nay.

- Dựa vào bối cảnh:

(21) TA: Our mines endanger the waterways.

TV: Mìn bẫy của chúng ta đang biến các con đường thủy trong rập rình chết choc.

(22) TA: We must with positive action seek to remove those conditions of poverty, insecurity, and injustice.

TV: Cùng với những hành động tích cực chúng ta phải tìm cách xóa bỏ những thực trạng đói nghèo, bất ổn, và bất công.

(23) TA: The momentous decree came as a great beacon light of hope to million Negro slaves.

TV: Sắc lệnh trọng đại này ra đời như một niềm hi vọng sáng ngời đối với hàng triệu người nô lệ da đen.

- Các yếu tố chủ quan:

(24) TA: Now is time to lift our nation from the quicksand of racial injustice to the solid rock of brotherhood.

TV: Đây chính là thời khắc để chúng ta đưa tổ quốc của chúng ta thoát khỏi vũng lầy bất công chủng tộc để vươn tới tinh thần vững chắc của tình anh em.

(25) TA: The majestic heights of meeting physical force with soul force.

TV: Đỉnh cao chói lọi - nơi hội tụ sức mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần.

(26) TA: We will be able to hew out of the mountain of despair a stone of hope.

TV: Chúng ta nhất định có thể biến ngọn núi tuyệt vọng thành tảng đá đầy hi vọng.

(5) **Phương thức 6:** Sự xóa bỏ

(27) TA: And some of us who have already begun to break the silence of the night have found that the calling to speak.

TV: Một số người trong chúng ta đã bắt đầu phá vỡ sự yên lặng và nhận ra rằng

khi kêu gọi nhau để giồng lên tiếng nói của chính mình.

(28) TA: If there was a real promise of hope for the poor.

TV: Một lời hẹn ước chân thật cho người nghèo.

(6) **Phương thức 7: Ẩn dụ kết hợp với nghĩa trong mối quan hệ**

(29) TA: Working for *the health of our land*.

TV: Hãy làm tất cả những gì cho tổ quốc khỏe mạnh lên.

(30) TA: With *righteous indignation*, it will look across the seas.

TV: Với sự phẫn nộ chính đáng, cuộc cách mạng sẽ vượt qua sông núi biển cả.

(31) TA: This call for a worldwide fellowship that lifts neighborly concern beyond one's tribe, race, class, and nation is in reality a call for an all-embracing and unconditional love for all mankind.

TV: Lời kêu gọi vì tình đoàn kết khắp thế gian sẽ nâng cao và mở rộng sự quan tâm mật thiết giữa những bộ tộc, giai cấp, và quốc gia, trong thực tế, là tiếng gọi vì một tình yêu thương tha thiết đối với toàn nhân loại.

3. Kết quả phân tích dữ liệu đã làm rõ phần nào những ẩn dụ ý niệm được sử dụng trong ba bài diễn văn nổi tiếng của Martin Luther King và những phương thức trong chuyển dịch ẩn dụ được đề xuất bởi Peter Newmark được áp dụng vào dịch các ẩn dụ này từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Với kết quả này, bài viết mong muốn góp phần vào việc tiếp cận các văn bản diễn văn của các nhà chính trị xã hội như Martin Luther King.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Quốc Hùng, M.A (2012), *Hướng dẫn kỹ thuật Biên dịch Anh-Việt*,

Việt-Anh, Nxb Tổng hợp TP. HCM.

2. Nguyễn Thị Như Ngọc (2014), *Xác lập quy trình dịch ẩn dụ từ tiếng Anh sang tiếng Việt (Trên cơ sở văn bản diễn thuyết của Mỹ)*, Tạp chí Ngôn ngữ, Số 4. - tr.: 59 - 71.

3. Nguyễn Đức Tồn (2007), *Bản chất của ẩn dụ*. Tạp chí Ngôn ngữ, số 11, tr.1-9.

4. Glucksberg, S., and Keysar, B. (1993), *How metaphors work*. In metaphor and thought, Ortony, A. (ed.). New York: Cambridge University Press.

5. Kelly, Dorothy (2005), *A handbook for translator trainers: A guide to reflective practice*, Manchester: St. Jerome.

6. Lakoff, G and John, M. (1980), *Metaphor We live by*, University of Chicago Press, Chicago/London.

7. Lakoff, G.(2006), *The contemporary theory of metaphor*, In Cognitive Linguistics: Basic Readings. Geeraerts, D. (ed.). New York: Mouton de Gruyter.

8. Lefevre, André (2004), *Translation, rewriting and the manipulation of literary fame*. Shanghai: Shanghai Foreign Language Education Press.

9. Newmark, P.(1980), *The translation of metaphor*, Babel 16(2),93-100.

10. Newmark, P (1988), *Approaches to translation*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall.

11. *The Oxford English dictionary*. John Simpson & Edmund Weiner (eds). Oxford: Oxford University Press, 1993.

12. <http://www.archives.gov/press/exhibits/dream-speech.pdf>

13. http://www.nobelprize.org/nobel_prizes/peace/laureates/1964/king-acceptance_en.html

14. <http://www.informationclearinghouse.info/article2564.htm>.